

Bản án số: 152/2018/HS-PT
Ngày: 20 - 4 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Lê Tự
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Trần Minh Tuấn Ông Nguyễn Xuân Điền

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 151/2018/TLPT-HS ngày 21 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo: Y về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của những người bị hại bà Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị H1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 47/2017/HS-ST ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

**** Bị cáo bị kháng cáo:***

Y, sinh năm 1989 tại Kon Tum; trú tại: xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 12/12; con ông A, sinh năm 1956 và bà Y, sinh năm 1966; có chồng là Lê Đăng Đ, sinh năm 1990 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 16-01-2017, bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Kon Tum khởi tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, (có mặt).

- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo:

Người bào chữa cho bị cáo Y: Luật sư Đinh Văn H - Đoàn Luật sư tỉnh Kon Tum, (có mặt).

Người bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966.

Trú tại: thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum, (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1982.

Trú tại: thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối tháng 12/2015 đến tháng 4/2016 mặc dù biết mình không còn khả năng trả nợ, nhưng vì cần tiền để trả nợ cho các khoản vay trước đây và chi tiêu cá nhân nên Y trú tại xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum đã đưa ra thông tin không đúng sự thật là “*vay tiền để đảo vốn ngân hàng*” làm cho bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H1 đều trú tại thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum tin tưởng cho vay rồi chiếm đoạt với tổng số tiền là 8.450.000.000 đồng, Cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Thị H: Năm 2013, Y đã vay tiền của bà Lê Thị P với lãi suất từ 5.000 – 7.000 đồng/triệu/ngày để mua bán bời lời tươi. Do làm ăn thua lỗ, không có tiền trả nợ nên từ tháng 11/2014 đến tháng 12/2015, Y tiếp tục vay tiền của bà Nguyễn Thị H nhiều lần với tổng số tiền 36.158.000.000 đồng để trả nợ, mua bán bời lời, mua bán sâm, mua đất và chi tiêu cho bản thân, gia đình. Sau các lần vay mượn, Y đều thực hiện việc trả tiền gốc, tiền lãi, tiền hoa hồng đầy đủ và đúng thời gian như đã hứa hẹn cho bà H. Trong đó, Y đã trả cho bà H 36.158.000.000 đồng tiền gốc; 919.740.000 đồng tiền lãi và 342.000.000 đồng tiền hoa hồng.

Cuối tháng 12/2015, biết rõ mình không còn khả năng trả nợ nữa, đồng thời trước áp lực đòi nợ của các chủ nợ nên Y đã gặp bà H hỏi vay nhiều lần với tổng số tiền là 5.380.000.000 đồng, trong đó có 630.000.000 đồng Y đã đem 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên A, K, Đ, Y H; 02 sổ lĩnh lương và 01 sổ hộ khẩu thế chấp cho bà H để vay tiền. Mặc dù, biết 04 giấy chứng nhận này không phải của Y nhưng bà H vẫn cho Y vay số tiền 630.000.000 đồng để hưởng lãi suất. Đây là quan hệ tranh chấp về dân sự không có dấu hiệu của tội phạm.

Số tiền còn lại 4.750.000.000đ khi hỏi vay tiền của bà H, Y đã đưa ra thông tin gian dối là vay để “*đảo vốn ngân hàng cho các hộ dân*” làm cho bà H tin tưởng cho Y vay 12 lần, với tổng số tiền là 4.750.000.000 rồi chiếm đoạt (ngày 31-12-2015 vay 02 lần với tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng; ngày 05-01-2016 vay 600.000.000 đồng; ngày 06-01-2016 vay 350.000.000 đồng; ngày 08-01-2016 vay 03 lần số tiền 1.000.000.000 đồng; ngày 13-01-2016 vay 400.000.000 đồng; ngày 14-01-2016 vay 300.000.000 đồng; ngày 18-01-2016 vay 700.000.000 đồng; ngày 25-02-2016 vay 100.000.000 đồng; ngày 01-3-2016 vay 300.000.000 đồng. Trong số tiền 4.750.000.000 đồng mà Y đã chiếm đoạt của bà H, Y đã trả cho bà H được

320.000.000 đồng (gồm 200.000.000 đồng tiền gốc và 120.000.000 đồng tiền lãi, tiền hoa hồng ngay sau khi nhận tiền vay), đây là số tiền được coi là bị can Y đã khắc phục trả lại cho bà H.

Quá trình điều tra, Y đã thừa nhận đưa ra thông tin không đúng sự thật như đã nêu trên để được bà H cho vay tiền rồi chiếm đoạt của bà H với tổng số tiền là 4.750.000.000 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị H1: Tháng 7/2015 đến tháng 01/2016, do không có tiền để trả nợ nên Y đã gặp chị Nguyễn Thị H1 vay tiền nhiều lần để làm ăn. Sau mỗi lần vay tiền thấy Y trả tiền gốc, tiền lãi, tiền hoa hồng đầy đủ và đúng thời gian như đã hứa hẹn nên chị H1 đã tin tưởng cho Y vay tiền nhiều lần, với tổng số tiền là 57.510.000.000 đồng, lãi suất từ 3.000-5.000 đồng/triệu/ngày. Trong đó, Y đã trả cho chị H1 57.510.000.000 đồng tiền gốc, 1.379.000.000 đồng tiền lãi và 204.500.000 đồng tiền hoa hồng.

Đến tháng 01/2016, do không còn khả năng trả nợ nữa, trước áp lực đòi nợ của các chủ nợ nên Y đã gặp chị H1 đưa ra thông tin gian dối là “*cần tiền để đảo vốn ngân hàng*” làm cho chị H1 tin tưởng tiếp tục cho vay 11 lần, với tổng số tiền 3.700.000.000 đồng rồi chiếm đoạt (ngày 14-01-2016 vay 03 lần số tiền là 800.000.000 đồng; ngày 16-01-2016 vay 300.000.000 đồng; ngày 21-01-2016 vay 02 lần 600.000.000 đồng; ngày 27-01-2016 vay 500.000.000 đồng; ngày 03-02-2016 vay 300.000.000 đồng; ngày 04-02-2016 vay 400.000.000 đồng; 18-3-2016 vay 400.000.000 đồng; ngày 19-4-2016 vay 300.000.000 đồng. Trong số tiền 3.700.000.000 đồng mà Y đã chiếm đoạt của bà H1, Y đã trả cho chị H1 được 506.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi, tiền hoa hồng (gồm 500.000.000 đồng tiền gốc; 3.000.000 tiền lãi; 3.000.000 đồng tiền hoa hồng) ngay sau khi nhận được tiền vay. Đây được coi là số tiền mà Y đã khắc phục trả lại cho chị H1.

Quá trình điều tra, Y đã thừa nhận đưa ra thông tin không đúng sự thật như đã nêu trên để được chị H1 cho vay tiền rồi chiếm đoạt của chị H1 với tổng số tiền 3.700.000.000 đồng.

Ngày 05-10-2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum đã ra quyết định trưng cầu giám định số 32/QĐ-PC44 gửi Phòng PC54- Công an tỉnh tiến hành giám định chữ viết, chữ ký của Y trong các giấy vay mượn tiền do các công dân giao nộp. Tại kết luận giám định số 30/GĐTP-2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh ngày 17-10-2016 kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Y trên các tài liệu cần giám định với chữ viết, chữ ký của Y trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

Kết quả xác minh tại các ngân hàng trên địa bàn huyện N thể hiện:

- Vào năm 2013, Y có mở một tài khoản số 5103205094697 tại ngân hàng Aribank chi nhánh huyện N, tỉnh Kon Tum. Tính đến ngày 19/7/2016, tổng phát sinh có là 15.358.264.800 đồng, tổng phát sinh nợ là 15.358.189.800 đồng, số dư cuối là 125.000 đồng. Từ năm 2014 ngân hàng và Y không có phát sinh giao dịch bằng tài sản gì. Không có sự việc Y “*đảo vốn ngân hàng*”.

- Năm 2016 Y có mở một tài khoản số 62510003978580. Tính đến ngày 27/7/2016, tổng phát sinh có là 2.899.962.327 đồng, tổng phát sinh nợ là 2.899.811.770 đồng số dư cuối kỳ là 150.557 đồng. Ngày 29/6/2016, Y đã ký kết

hợp đồng tín dụng số 03/2016/8268711/HĐTD ngày 29/6/2016 vay vốn bằng tài sản thế chấp là 03 quyền sử dụng đất của Y để vay 580.000.000 đồng. Khoản vay này vẫn chưa đến hạn phải trả cho ngân hàng. Ngoài ra Y không thực hiện việc “đảo hạn ngân hàng” hay bất cứ giao dịch nào khác.

Quá trình điều tra xác định, từ tháng 11/2014 đến tháng 12/2015, Y đã thừa nhận đưa ra thông tin không đúng sự thật như đã nêu trên để được bà H, bà H1 cho vay lần lượt số tiền rồi chiếm đoạt của bà H, bà H1 là 4.750.000.000 đồng và 3.700.000.000 đồng.

Ngoài ra, Y còn thừa nhận đã vay tiền của bà H 128 lần với tổng số tiền là 43.453.000.000 đồng đã trả số tiền gốc là 38.073.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.496.000.000 đồng và tiền hoa hồng là 1.096.000.500 đồng và vay tiền của chị H1 188 lần với tổng số tiền là 81.420.000.000 đồng, đã trả cho chị H1 tổng số tiền gốc 77.720.000.000 đồng, số tiền lãi 3.228.950.000 đồng, số tiền hoa hồng 1.464.500.000 đồng, nhưng đều không cung cấp được tài liệu nào để chứng minh lời khai của mình. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất về số tiền lãi và tiền hoa hồng mà Y đã trả cho chị H1 và trả cho chị H thì không có kết quả.

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 47/2017/HS-ST ngày 29/12/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định:**

Tuyên bố: Bị cáo Y phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Y 10 (Mười) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về phần án phí; quyền kháng cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/01/2018, người bị hại bà Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị H1 kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tuy nhiên số tiền bị cáo chiếm đoạt có số lượng lớn. Tòa án cấp sơ thẩm quá nhấn mạnh đến các tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt, do đó, mức hình phạt 10 năm tù là chưa tương xứng. Vì vậy, đề nghị chấp nhận kháng cáo của người bị hại, tăng hình phạt đối với bị cáo.

Luật sư Đinh Văn H phát biểu: Viện kiểm sát chưa phân tích việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự là đúng hay không. Bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Ý thức của bị cáo là phải tích cực trả nợ cho người

bị hại nhưng đang nuôi con nhỏ nên chưa có điều kiện trả nợ. Vì vậy, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Y phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà bản án sơ thẩm đã qui kết buộc tội, phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án đã chứng minh tại phiên tòa. Từ đó có đủ cơ sở xác định:

[2] Từ cuối tháng 12/2015 đến tháng 4/2016, Y gặp bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H1 và đưa ra thông tin gian dối: “vay tiền để đảo vốn ngân hàng” để bà H, bà H1 tin tưởng cho vay tiền, rồi chiếm đoạt của bà H, bà H1 tổng số tiền là 8.450.000.000 đồng, trong đó: chiếm đoạt của bà H 4.750.000.000 đồng và chiếm đoạt của bà H1 3.700.000.000 đồng. Bị cáo Y biết rõ mình không còn khả năng trả nợ và nhận thức được việc đưa ra thông tin gian dối để người bị hại cho vay tiền là trái pháp luật nhưng muốn có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ nên đã thực hiện hành vi chiếm đoạt.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật hình sự để nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Với hành vi phạm tội trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Y về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có cơ sở, đúng pháp luật.

[5] Đối với kháng cáo của người bị hại bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H1 đề nghị tăng hình phạt, thấy rằng: Những người bị hại đã cho bị cáo vay tiền nhiều lần với số lượng lớn và lãi suất cao để kiếm lời. Phần lớn số tiền vay đã được bị cáo hoàn trả đủ, chỉ còn lại 8.450.000.000đ không có khả năng thanh toán. Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại (trong đó trả cho bà H 320.000.000 đồng, bà H1 506.000.000 đồng); bị cáo có thành tích trong các phong trào thể dục thể thao, văn hóa nghệ thuật tại địa phương; cha, mẹ bị cáo có nhiều thành tích trong thời gian kháng chiến được tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng nhất, Huân chương Kháng chiến hạng ba, đồng thời được Nhà nước tặng Bằng gia đình vẻ vang; bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo chỉ có một tình tiết tăng nặng là phạm tội thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử dưới khung hình phạt với mức án 10 năm tù là phù hợp. Nên không thể chấp nhận

kháng cáo của những người bị hại và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo.

[6] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H1.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Y phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Y 10 (Mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Các Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, mỗi người 200.000đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo (gửi qua trại giam);
- Lưu hồ sơ, VT, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự